

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-BNV
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao và căn cứ Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng; Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP). Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 45/2010/NĐ-CP.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ

1. Sau 12 năm thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP đến nay, nhiều nội dung của Nghị định không còn phù hợp, chưa bao quát, điều chỉnh hết các vấn đề trong thực tiễn quản lý đặt ra. Theo đó cần xây dựng Nghị định thay thế vì Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cũng đã được sửa đổi, bổ sung 01 lần tại Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; việc xây dựng Nghị định thay thế sẽ không phải thực hiện việc hợp nhất Nghị định và tránh trường hợp có đến 03 Nghị định về hội; mặt khác nếu tiếp tục xây dựng một Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP sẽ gây khó khăn cho tổ chức, công dân Việt Nam khi tra cứu, tổ chức thực hiện và không đảm bảo được tính logic, tính hệ thống, không thể hiện hết được các chủ trương của Đảng về hội quần chúng trong tình hình mới cũng như những phát sinh trong thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội và yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội.

2. Thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hội trong thời gian vừa qua đặt ra nhiều vấn đề như: thiếu chế tài xử lý vi phạm, chưa rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, công tác kiểm tra, quy trình, thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất... chưa đảm bảo tính chặt chẽ; thiếu quy định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội khi địa phương thay đổi địa giới hành chính các cấp. Hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung trình năm 2018 mới thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, chưa thể chế hóa các nội dung liên quan

đến Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới.

3. Việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP là phù hợp trong giai đoạn hiện nay để giải quyết được các vấn đề đang vướng mắc trong thực tiễn quản lý hội; có đủ căn cứ pháp lý xử lý các sai phạm trong tổ chức, hoạt động của hội; đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội theo hướng tự chủ, tự quản; từng bước xóa bỏ xu hướng “hành chính hóa” hoạt động của hội; giảm bớt gánh nặng của ngân sách, chỉ hỗ trợ nguồn lực, kinh phí theo các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

II. QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ

1. Quan điểm

a) Thể chế hóa chủ trương của Đảng về hội quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội theo quy định của Hiến pháp năm 2013; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

b) Tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hội quần chúng;
- Nhà nước có cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc;
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hội; đáp ứng tình hình thực tiễn tổ chức, hoạt động của hội và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế;
- Hội tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc: Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hội; tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, minh bạch; không vì mục đích lợi nhuận; Hội không nhất thiết phải tổ chức thành hệ thống từ Trung ương đến cơ sở (cấp xã); sử dụng Điều lệ chung đối với hội cùng lĩnh vực hoạt động; hội hoạt động ở cấp nào, chịu sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và quản lý nhà nước của chính quyền cấp đó;
- Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao và căn cứ Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng, năm 2014 Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Căn cứ Công văn số 226-CV/TW ngày 10/8/2015 của Bộ Chính trị về hội quần chúng và tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (đề nghị không xây dựng Nghị định thay thế mà xây dựng Nghị

định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP), Bộ Nội vụ tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Năm 2017, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng Báo cáo đánh giá tác động dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Năm 2018, căn cứ chủ trương của Đảng về hội quân chúng và ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Tờ trình số 4289/TTr-BNV ngày 28/8/2018).

3. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2580/VPCP-TCCV ngày 01/4/2019, Bộ Nội vụ đã tham mưu Ban Cán sự đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến một số nội dung quan trọng của chính sách Nhà nước đối với hội. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ - Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã thay mặt Ban Cán sự đảng Chính phủ ký tờ trình Bộ Chính trị báo cáo xin ý kiến về một số chính sách đối với hội trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Để giải quyết một số bất cập trong quản lý, tổ chức và hoạt động của hội, Bộ Nội vụ tiếp tục có Công văn số 372/TTr-BNV ngày 09/8/2021 gửi Thủ tướng Chính phủ đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

5. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh (Công văn số 2338/VPCP-TCCV, ngày 24/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP), Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

a) Kiện toàn Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Nghị định; trao đổi với cấp chuyên môn, cấp Vụ với Bộ Tư pháp.

b) Tổ chức cuộc họp Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Nghị định để thống nhất nội dung dự thảo Nghị định.

c) Tổ chức hội thảo xin ý kiến các chuyên gia.

d) Lấy ý kiến các cơ quan liên quan, một số địa phương và một số hội gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về kết cấu của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP gồm 8 Chương 50 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 12 Điều (từ Điều 1 đến Điều 12);

Chương II. Thành lập hội, gồm 07 Điều (từ Điều 13 đến Điều 19);

Chương III. Tổ chức hội, gồm 05 Điều (từ Điều 20 đến Điều 24);

Chương IV. Hoạt động của hội, gồm 08 Điều (từ Điều 25 đến Điều 32);

Chương V. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn, giải thể và đổi tên hội, gồm 06 Điều (từ Điều 33 đến Điều 38);

Chương VI. Một số quy định đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, gồm 04 Điều (từ Điều 39 đến Điều 42);

Chương VII. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gồm 04 Điều (từ Điều 43 đến Điều 46);

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 04 Điều (từ Điều 47 đến Điều 50);

2. Những nội dung mới của dự thảo Nghị định

a) Chương I. Quy định chung

- Giải thích từ ngữ để thống nhất cách hiểu, tránh hiểu khác nhau về một số từ ngữ về hội; không vì mục tiêu lợi nhuận; vi phạm pháp luật nghiêm trọng; (Điều 3);

- Quy định chính sách của Nhà nước đối với hội (Điều 7) và chế độ chính sách của Nhà nước đối với người làm việc tại hội (Điều 8) nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014, Công văn số 226-CV/TW ngày 10/8/2015 của Bộ Chính trị và Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về hội quần chúng trong tình hình mới; Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; cụ thể:

(i) Điều 7 (Chính sách của Nhà nước đối với hội) quy định chính sách tương ứng với 02 nhóm hội như sau:

(1) Nhóm 1 có 30 hội phạm vi hoạt động toàn quốc và các hội có phạm vi hoạt động địa phương đã được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được ngân sách Nhà nước tiếp tục đảm bảo, khoán kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao và cấp kinh phí hoạt động theo nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao;

(2) Các hội còn lại thực hiện theo nguyên tắc tự trang trải kinh phí và được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương ứng với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

(ii) Điều 8 (Chính sách đối với người làm việc tại hội): Kết luận số 102-KL/TW yêu cầu: “Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với người làm việc tại các hội”. Thể chế hóa nội dung này, dự thảo Nghị định quy định cụ thể chính sách,

chế độ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và chế độ tiền lương, phụ cấp, thù lao phù hợp với từng loại đối tượng làm việc tại hội, trong đó có bổ sung chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức được điều động, phân công sang làm việc tại hội và chế độ thù lao đối với người đang hưởng lương hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách hội.

- Quy định về cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ (Điều 9), điều này liệt kê cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ, để cơ quan tài chính có căn cứ cấp, hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao;

- Quy định về nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (Điều 10): Để các cấp có thẩm quyền có căn cứ, cơ sở giao nhiệm vụ cho hội, cơ quan tài chính cấp kinh phí theo nhiệm vụ khi cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ trong nhóm này, tạo sự minh bạch trong việc giao, cấp kinh phí;

- Quy định các hành vi bị cấm lợi dụng việc thành lập, tổ chức và hoạt động hội (Điều 11) nhằm đảm bảo hội không bị lợi dụng, hoạt động tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, điều lệ hội; đảm bảo công tác an ninh, trật tự và an toàn xã hội;

- Quy định về cơ sở dữ liệu hội: Để làm cơ sở triển khai, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hội phù hợp với chủ trương tại Nghị Quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó với quan điểm “Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân...”;

b) Chương II. Thành lập hội:

- Thay đổi thẩm quyền công nhận Ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh, huyện, xã (Điều 15) nhằm hoàn thiện các quy định để giải quyết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn triển khai thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP như việc công nhận ban vận động thành lập hội có lĩnh vực hoạt động chính không chịu sự quản lý nhà nước của chính quyền địa phương về ngành, lĩnh vực chính hội dự kiến hoạt động tại địa phương và để thống nhất, đồng bộ các với các thủ tục về hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị về hội quần chúng;

- Về nội dung liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp, để đơn giản hóa các tài liệu trong các thủ tục hành chính, Nghị định quy định, Trưởng ban vận động thành lập hội nếu thuộc diện quản lý của cấp có thẩm quyền và được cấp có thẩm quyền đồng ý thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ công nhận ban vận động thành lập hội (điểm c khoản 1 Điều 15) và hồ sơ thành lập hội (điểm đ, khoản 1 Điều 16);

- Chuyển nội dung Điều 15, Điều 17 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP thành Điều 19 dự thảo Nghị định quy định về hội viên; trong đó bỏ nội dung về hội được kết nạp doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài làm hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự. Do hiện nay theo quy định của pháp luật về

doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư thì các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam là tổ chức Việt Nam. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định đối tượng hội viên là công dân, tổ chức Việt Nam là phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật có liên quan.

c) Chương III. Tổ chức của hội:

- Quy định về đại hội (Điều 21) đưa quy định về hồ sơ báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường và cách tính thời hạn tổ chức Đại hội từ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV; bổ sung hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập để tăng cường sự quản lý nhà nước; đồng thời hỗ trợ hội trong các khâu chuẩn bị, đảm bảo sự thành công và phù hợp với quy định của pháp luật về hội;

- Quy định số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội trong đại hội thành lập chiếm khoảng 20% số lượng hội viên nhưng tối đa không quá 30 thành viên và chỉ Đại hội mới có quyền quyết định số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội (điểm c khoản 1 Điều 22). Trong quá trình quản lý nhà nước về hội, các hội bầu quá nhiều thành viên ban lãnh đạo hội dẫn đến hiệu quả tổ chức, hoạt động của ban lãnh đạo không cao, khó khăn trong khâu tổ chức hội nghị ban lãnh đạo hội. Việc quy định cụ thể số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội là để đảm bảo tỷ lệ phù hợp số lượng người tham gia lãnh đạo hội so với số lượng hội viên và đảm bảo phù hợp với tình hình tổ chức, hoạt động ban đầu của hội;

- Quy định số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội trong đại hội khoảng 20% số lượng hội viên nhưng tối đa không quá 85 thành viên và chỉ Đại hội mới có quyền quyết định số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội (điểm b khoản 2 Điều 22). Tương tự như trong Đại hội thành lập thì Đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường cũng quy định số lượng thành viên Ban lãnh đạo hội tối đa không quá 85 thành viên là đảm bảo cơ cấu lãnh đạo hội sinh hoạt trong phạm vi hoạt động và phù hợp với tình hình tổ chức, hoạt động của hội, đặc biệt là các hội có phạm vi hoạt động toàn quốc;

- Chuyển nội dung Điều 12, Điều 13 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và tích hợp thành Điều 23 dự thảo Nghị định quy định về báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt Điều lệ hội, trong đó bỏ quy định Đại hội bầu Ban kiểm tra, bổ sung quy định Điều lệ hội có giá trị thực hiện trong nhiệm kỳ hiện tại của đại hội. Nhằm thống nhất các nội dung theo Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, đồng thời giải quyết các bất cập khi hội đại hội mà không có sửa đổi, bổ sung điều lệ mà thực hiện theo điều lệ nhiệm kỳ trước và để tạo cơ sở pháp lý trong việc thực hiện điều lệ hội phù hợp với thực tiễn hoạt động của hội;

- Xây dựng mới Điều 24 (Tiêu chuẩn của người đứng đầu hội; việc bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội; thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội và trình tự thủ tục phê duyệt điều lệ hội hoạt động trong

phạm vi toàn quốc có đảng đoàn) vào dự thảo Nghị định. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không quy định tiêu chuẩn của người đứng đầu hội, việc đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội.

+ Về tiêu chuẩn người đứng đầu hội, trình tự thủ tục phê duyệt điều lệ hội phạm vi hoạt động toàn quốc có đảng đoàn: thể chế hóa quy định của cấp có thẩm quyền về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người đứng đầu hội đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và qua quá trình quản lý nhà nước, tạo điều kiện để hội có cơ sở lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu trong hội nhập và phát triển đất nước; đồng thời đảm bảo những người giữ chức danh đứng đầu hội có sức khỏe, thời gian, chuyên tâm cho công tác hội; để đảm bảo chế độ cho cán bộ, công chức giữ chức danh lãnh đạo Đảng, Nhà nước tham gia công tác lãnh đạo hội, trong dự thảo đã hạn chế đối tượng này tham gia làm người đứng đầu quá 02 hội hoặc kiêm nhiệm làm người đứng đầu hội. Theo đó, dự thảo Nghị định bổ sung thêm tiêu chuẩn chung của người đứng đầu hội và trình tự thủ tục phê duyệt điều lệ hội phạm vi hoạt động toàn nước có đảng đoàn tại dự thảo Nghị định để cơ quan nhà nước, tổ chức, công dân biết.

+ Về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội: qua thực tế công tác quản lý nhà nước về hội, có hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu hội không đúng quy định điều lệ hội, dẫn đến khiếu nại, tố cáo, gây mâu thuẫn mất đoàn kết nội bộ kéo dài mà không có căn cứ để giải quyết mâu thuẫn nội bộ và nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về hội, Bộ Nội vụ nhận thấy việc quy định này là cần thiết nhằm có thêm cơ chế kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ điều lệ hội, quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn người đứng đầu hội, đảm bảo quá trình chọn người đứng đầu hội xứng đáng. Mặt khác do vị trí quan trọng của người đứng đầu hội nên dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội theo nguyên tắc cấp nào có thẩm quyền cho phép thành lập hội thì cấp đó có ý kiến về người được bầu làm người đứng đầu hội;

d) Chương IV. Hoạt động của hội:

- Bổ sung quy định về quyền của hội được cấp chứng chỉ năng lực khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (khoản 10 Điều 25) để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành: ví dụ như Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020;

- Quy định hội phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật (pháp luật về thuế đã quy định) là tạo điều kiện để hội khi có hoạt động phát sinh chịu thuế có trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế; bổ sung việc kiểm toán độc lập hàng năm; việc quy định này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về hội (khoản 10 Điều 26);

- Bổ sung khoản 16 Điều 25, khoản 14 Điều 26 để tạo điều kiện cho hội được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan khi có các văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau giao cho hội thực hiện một số nội dung mới;

- Xây dựng mới Điều 27 (Tạm đình chỉ chức danh người đứng đầu hội và cấp phó của người đứng đầu hội): Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định vấn đề này. Để tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các

trường hợp hội vi phạm pháp luật, có chế tài xử lý và đề tăng cường quản lý nhà nước về hội, dự thảo Nghị định quy định một số biện pháp trong quản lý nhà nước khi mà Luật về hội đang được nghiên cứu xây dựng để trình Quốc hội;

- Xây dựng mới Điều 29 (Giải quyết phán ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội). Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định vấn đề này. Đề giải quyết các bất cập trong quá trình hội hoạt động và đề phù hợp với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Quy định về văn phòng đại diện; thành lập pháp nhân và tổ chức cơ sở thuộc hội: Đưa quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP để biên soạn thành Điều 31, Điều 32 dự thảo Nghị định để thống nhất, đồng bộ trong một văn bản quy phạm pháp luật và tạo điều kiện cho công dân, tổ chức tra cứu, thực hiện;

đ) Chương V. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn, giải thể và đổi tên hội:

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về hội bị giải thể và chưa quy định đình chỉ có thời hạn hoạt động của hội nên khó khăn khi giải quyết, xử lý vi phạm; đồng thời đề tăng cường công tác quản lý nhà nước có chế tài xử lý phù hợp. Do đó bổ sung Điều 35 về đình chỉ hoạt động có thời hạn hoạt động của hội và quy định chi tiết các trường hợp hội bị giải thể tại Điều 37 (hội bị giải thể);

- Bổ sung quy định về thu hồi con dấu của hội (khoản 6 Điều 38) để phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu.

e) Chương VI. Một số quy định đối với các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ:

Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị đã ghi: “Không xây dựng văn bản riêng đối với một số hội đã được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội, hội có đảng đoàn và không quy định hội có tính chất đặc thù”; Văn bản số 226-CV/TW ngày 10/8/2015: “Đối với các hội do Đảng có nhu cầu, chỉ đạo thành lập và giao thực hiện các nhiệm vụ và các Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, thì Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí và tạo điều kiện để hoạt động”; Văn bản số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới, có nội dung: “Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ”; Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Theo đó, trên cơ sở Chương VI (quy định về hội có tính chất đặc thù) của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung chuyển thành Chương VI (quy định về hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ), trong đó quy định cụ thể:

- Điều 39 (Cơ sở xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ): trên cơ sở nội dung Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ

tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù, đồng thời căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, dự thảo Nghị định xác định, khoanh vùng những hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

- Bổ sung mới Điều 40 (Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Nội dung này quy định về mặt nguyên tắc trên cơ sở thể chế hóa Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

- Xây dựng mới Điều 42 (Sử dụng điều lệ chung đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có cùng lĩnh vực hoạt động chính): để thể chế hóa Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị, đã ghi: “Nếu các hội ở cấp dưới thống nhất thừa nhận điều lệ của Hội ở Trung ương thì không cần xây dựng điều lệ riêng”.

g) Chương VIII. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Kết luận số 102-KL/TW đã ghi: “Về việc phê duyệt điều lệ của hội: Đối với những hội do Đảng và Nhà nước lập ra (hội có đảng đoàn) thì do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các hội khác do Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”. Thể chế hóa nội dung này, Điều 43 (Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội) dự thảo Nghị định đã bổ sung so với Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, quy định 03 nội dung sau: (1) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ hội có đảng đoàn phạm vi hoạt động toàn quốc; (2) Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh và (3) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý (trong đó có việc phê duyệt điều lệ) đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, trong huyện và trong xã. Đồng thời loại trừ một số trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác trong việc phê duyệt điều lệ hội như quy định tại Luật Luật sư, Luật Công chứng;

- Bổ sung rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, trong đó có trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Công an; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước tại Điều 45 dự thảo Nghị định; đồng thời bổ sung nhiệm vụ phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội tại điểm h khoản 1 Điều 45 và điểm i khoản 1 Điều 46 để đảm bảo đồng bộ, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan liên quan.

h) Chương VIII. Điều khoản thi hành: Quy định hiệu lực của văn bản và trách nhiệm của cơ quan tổ chức có liên quan.

Tại chương này bổ sung quy định mẫu trình bày văn bản trên cơ sở chuyển toàn bộ mẫu trình bày văn bản tại Thông tư số 03/2013/TT-BNV của Bộ Nội vụ để đồng bộ, thống nhất trong một văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của các mẫu theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

V. NHỮNG NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Những nội dung tiếp thu

2. Những nội dung giải trình

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định có nhiều vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Nội vụ xin ý kiến Chính phủ như sau:

1. Về thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội

a) Nội dung các ý kiến:

- Ý kiến thứ nhất: Quy định về thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội đối với tất cả các hội;

- Ý kiến thứ hai: Chỉ quy định về thủ tục đăng ký người đứng đầu hội đối với hội có đảng đoàn;

- Ý kiến thứ ba: Không quy định thủ tục đăng ký người được bầu làm người đứng đầu hội.

b) Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo ý kiến thứ nhất. Lý do: Như đã báo cáo tại Khoản 2 Mục IV nêu trên về nội dung xây dựng mới Điều 24.

2. Về chính sách của Nhà nước đối với hội

a) Nội dung các ý kiến:

- Ý kiến thứ nhất: Thể chế hóa chủ trương của Đảng về cơ chế tài chính và biên chế theo tinh thần Kết luận số 102-KL/TW; Công văn số 226-CV/TW ngày 10/8/2015 của Bộ Chính trị; Thông báo Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới; Kết luận số 32-KL/TW ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và nhằm tạo điều kiện cho hội quần chúng. Theo đó dự thảo Nghị định đã quy định chính sách tương ứng với các nhóm hội; cụ thể:

(1) Nhóm 1 có 30 hội phạm vi hoạt động toàn quốc và các hội có phạm vi hoạt động địa phương đã được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được ngân sách Nhà nước tiếp tục đảm bảo, thực hiện khoán kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao và cấp kinh phí hoạt động theo nhiệm vụ cấp có thẩm quyền giao;

(2) Các hội còn lại thực hiện theo nguyên tắc tự trang trải kinh phí và được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí tương ứng với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Ý kiến thứ hai: Thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật. Nhà nước chỉ cấp kinh phí để thực hiện những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6

khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Bộ Nội vụ đã thực hiện theo ý kiến thứ nhất.

3. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội

a) Nội dung xin ý kiến:

- Ý kiến thứ nhất: Công chức được phân công, điều động, luân chuyển giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách Hội được hưởng phụ cấp công vụ và được hưởng các chế độ khác theo quy định của Luật cán bộ, công chức; thay đổi mức tính chế độ thù lao đối với người đang hưởng lương hưu đảm bảo sự tương quan trong nội bộ hội.

- Ý kiến thứ hai: Chỉ những công chức được luân chuyển hoặc biệt phái giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt chuyên trách hội mới được hưởng phụ cấp công vụ và được hưởng các chế độ khác theo quy định của Luật cán bộ, công chức; giữ nguyên chế độ thù lao đối với người đang hưởng lương hưu.

b) Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo phương án thứ nhất. Lý do: Kết luận số 102-KL/TW đã ghi: “Có chính sách đãi ngộ phù hợp đối với người làm việc tại các hội”. Theo đó, để ổn định tư tưởng, an tâm công tác, tránh biến động về chế độ chính sách khi thực hiện công tác cán bộ, theo đó việc bổ sung chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức được điều động, phân công sang làm việc tại hội là phù hợp; đồng thời khắc phục được bất cập như: Mức thù lao cao, đối tượng được hưởng thù lao chỉ là người đã nghỉ hưu, gây bất bình đẳng, so bì với người không phải là người nghỉ hưu được tin nhiệm bầu giữ chức danh lãnh đạo hội; đồng thời phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch.

4......
.....

Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo và kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCPCP, G.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà